

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (+84-24) 37831800
- Fax : (+84-24) 37831734

Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Việt Trì
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Nha Trang
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc Tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Tư vấn- Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 3	Thành phố Đà Nẵng
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án MobiFone	Thành phố Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình, truyền thông đa phương tiện;
- Sản xuất, lắp ráp và xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bảo trì, sửa chữa thiết bị chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; và
- Các ngành nghề khác.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Tô Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2019
Ông Bùi Sơn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2020
Ông Vĩnh Tuấn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Thiêm Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Phan Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Chủ tịch (đến ngày 09 tháng 3 năm 2021) và Ông Tô Mạnh Cường – Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1253/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”), được lập ngày 30 tháng 7 năm 2021, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Viễn thông MobiFone tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.16 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó mô tả việc thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông đi động trả trước từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa nhận được ý kiến phản hồi cũng như hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính liên quan đến việc ghi nhận các ảnh hưởng do thay đổi chính sách kế toán. Do đó, doanh thu dịch vụ viễn thông trả trước đã ghi nhận từ năm 2020 trở về trước nhưng đến thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2020 khách hàng chưa sử dụng, tạm thời chưa được ghi nhận giảm vào doanh thu kỳ 6 tháng đầu năm 2021. Tổng Công ty sẽ ghi nhận khoản giảm doanh thu này trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.15 và IV.19 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các điều chỉnh loại trừ ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty vẫn đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được soát xét.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Võ Hùng Tiên - Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0083-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.279.563.284.930	14.225.108.375.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	716.307.791.872	717.589.355.029
1. Tiền	111		116.307.791.872	127.589.355.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		600.000.000.000	590.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.895.000.000.000	11.095.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	8.895.000.000.000	11.095.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.724.632.282.104	1.489.240.151.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.369.642.633.780	1.494.898.812.512
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	469.091.406.698	158.598.675.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	533.655.555.612	485.288.185.465
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(647.757.313.986)	(649.545.522.497)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	133.544.003.668	92.832.441.275
1. Hàng tồn kho	141		141.831.898.069	101.400.180.774
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.287.894.401)	(8.567.739.499)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		810.079.207.286	830.446.428.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	469.943.137.774	415.579.171.166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		330.320.832.030	408.365.815.013
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	9.815.237.482	6.501.441.924
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.161.554.005.367	17.391.818.171.482
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.092.580.682	2.564.551.432
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.092.580.682	2.564.551.432
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.554.809.328.690	14.599.249.865.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.529.646.059.798	13.587.601.865.195
<i>Nguyên giá</i>	222		57.707.167.898.380	56.970.076.527.615
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.177.521.838.582)	(43.382.474.662.420)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.025.163.268.892	1.011.647.999.859
<i>Nguyên giá</i>	228		2.681.594.330.989	2.597.714.401.729
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.656.431.062.097)	(1.586.066.401.870)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.583.898.266	202.280.595.230
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	68.583.898.266	202.280.595.230
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		299.013.231.963	2.244.013.231.963
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	198.946.640.000	198.946.640.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	66.591.963	66.591.963
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	100.000.000.000	2.045.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		236.054.965.766	343.709.927.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	236.054.965.766	343.709.927.803
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.441.117.290.297	31.616.926.547.269

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.763.284.524.469	9.587.391.412.067
I. Nợ ngắn hạn	310		2.557.340.455.746	8.379.320.144.241
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.060.507.556.923	5.296.430.675.974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	116.616.278.748	167.732.036.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	348.277.252.920	863.248.533.766
4. Phải trả người lao động	314		542.956.810.857	739.353.709.863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.577.691.852.714	797.549.153.867
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		(2.456.982.811.653)	95.834.807.248
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	130.677.843.292	83.692.022.949
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	69.472.103.061	11.589.870.667
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	168.123.568.884	323.889.333.358
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.205.944.068.723	1.208.071.267.826
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	78.492.768.301	83.168.566.856
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	1.127.451.300.422	1.124.902.700.970

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.677.832.765.828	22.029.535.135.202
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	22.677.832.765.828	22.029.535.135.202
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.527.832.765.828	7.029.535.135.202
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		150.000.000.000	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		150.000.000.000	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.441.117.290.297	31.616.926.547.269

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.212.528.957.730	12.068.704.968.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		72.727.272	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.212.456.230.458	12.068.704.968.798
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.338.290.167.084	9.099.222.294.329
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.874.166.063.374	2.969.482.674.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	335.170.620.863	506.296.312.478
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.965.729.889	49.889.308.152
Trong đó: chi phí lãi vay	23		648.340.974	13.701.673.054
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.804.354.691.504	1.583.113.739.633
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	358.010.815.528	206.964.292.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.037.005.447.316	1.635.811.646.603
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.961.866.877	3.573.530.834
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.645.098.466	2.452.311.461
13. Lợi nhuận khác	40		1.316.768.411	1.121.219.373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.038.322.215.727	1.636.932.865.976
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	407.664.443.145	327.386.573.195
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.630.657.772.582</u>	<u>1.309.546.292.781</u>

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.038.322.215.727	1.636.932.865.976
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,V.9	2.369.110.023.005	2.303.802.537.474
- Các khoản dự phòng	03	VI.2,VI.6	(2.068.053.609)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(909.178.911)	(5.093.346.152)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(314.073.697.045)	(467.243.688.739)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	648.340.974	13.701.673.054
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.18	66.000.000.000	50.900.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.157.029.650.141	3.533.000.041.613
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65.421.978.904	114.950.256.152
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.431.717.295)	(4.970.995.957)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.618.510.932.790)	(974.077.845.627)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		53.290.995.429	(169.214.700.681)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(659.859.096)	(21.108.267.629)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(517.656.644.488)	(374.934.297.432)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(98.723.682.391)	(169.254.967.321)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(240.211.586)	1.934.389.223.118
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.180.117.658.369)	(2.192.422.593.405)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.215.171.603	(1.584.576.590)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.050.000.000.000)	(4.440.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.195.000.000.000	5.500.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		353.436.662.429	377.068.350.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.319.534.175.663	(756.938.819.995)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	1.551.356.649.040	1.146.938.857.910
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.493.474.416.646)	(1.535.228.539.309)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13	(1.378.437.257.832)	(876.030.331.510)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.320.555.025.438)	(1.264.320.012.909)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.261.061.361)	(86.869.609.786)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	717.589.355.029	1.077.560.722.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.501.796)	(84.456.108)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	716.307.791.872	990.606.656.332

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng công ty

Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Việt Trì
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Nha Trang
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tư vấn- Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 3	Thành phố Đà Nẵng
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án MobiFone	Thành phố Hà Nội

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱ⁾	Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cuộc gọi bao gồm dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại, dịch vụ cho thuê đài trạm phát sóng, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và các hoạt động khác	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Cầu ⁽ⁱⁱ⁾	105, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến viễn thông, bao gồm dịch vụ truyền thông đa phương tiện, nội dung số, kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động khác	69,42%	69,42%	69,42%
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	MM18 đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp hoạt động viễn thông không dây và có dây; cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ liên quan đến máy tính; và một số dịch vụ khác và kinh doanh thiết bị đầu cuối	96,23%	96,23%	96,23%

- ⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ít hơn 50% nhưng Tổng công ty thực hiện quyền kiểm soát đối với Công ty con này qua việc có 3 đại diện trong tổng số 5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty này kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018. Do vậy Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Tổng công ty gián tiếp kiểm soát các công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty trong các Công ty con gián tiếp này như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	Singapore	51,00 %	35,40 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông, thẻ cào, dịch vụ thoại
Công ty VNPT Global Hong Kong	Hồng Kông	60,00 %	41,65 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ IP khác
Công ty MobiFone Global USA	Mỹ	100,00 %	69,42 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ cung cấp nội dung, cung cấp giải pháp công nghệ cao trong nước và quốc tế
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Hà Nội	60,00 % ^(*)	27,77 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông
Công ty TNHH Hà Nội MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Hà Nội	100,00 %	69,42 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin qua điện thoại

^(*)Mặc dù Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu không sở hữu trên 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam nhưng Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu nhận được ủy quyền thay mặt các cổ đông không kiểm soát nắm giữ 20% vốn góp thực hiện toàn bộ các quyền biểu quyết của cổ đông thiểu số theo Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu, khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng công ty có 3.814 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.811 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ trích lập được hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”).

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường..

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là chi phí thuê nhà trạm, cửa hàng, văn phòng; phí tần số, phí thuê kênh; công cụ dụng cụ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 30-50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Thành viên của Tổng công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Tổng công ty sẽ phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Thông tin và Truyền thông tối thiểu 20% số quỹ đã trích lập mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%. Ngoài ra, Tổng công ty cũng sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Tổng công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Khi đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2020 theo các quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 và Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 để phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 1.690 tỷ VND. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả sau

Doanh thu từ dịch vụ trả sau bao gồm cước thuê bao thu hàng tháng, doanh thu cước các dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng. Doanh thu từ cước thuê bao hàng tháng và cước các dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp tới khách hàng. Doanh thu về cước hòa mạng được ghi nhận khi khách hàng đã hòa mạng và có thể sử dụng được các dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 trở về trước

Doanh thu từ dịch vụ trả trước được ghi nhận dựa trên số tiền thu được khi thẻ viễn thông trả trước được bán cho người mua, không phụ thuộc vào giá trị của lưu lượng sử dụng thực tế của khách hàng và Tổng công ty có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ viễn thông theo Công văn số 18494/BTC-CĐKT hướng dẫn hạch toán doanh thu bán thẻ trả trước của doanh nghiệp viễn thông do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2015.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

Doanh thu từ dịch vụ trả trước được ghi nhận dựa trên cơ sở dung lượng thực tế mà khách hàng đã sử dụng trong kỳ, khoản tiền thu bán thẻ nhưng khách hàng chưa sử dụng dịch vụ sẽ không được phản ánh vào doanh thu trong kỳ theo hướng dẫn tại Công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông.

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán đối với doanh thu kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước

Tổng công ty đã có Công văn số 6800/MOBIFONE-KHCL-KT ngày 30 tháng 12 năm 2020 gửi Bộ Tài chính để báo cáo phương án ghi nhận giảm vào doanh thu năm 2021 đối với các khoản doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả trước đã ghi nhận từ năm 2020 trở về trước nhưng đến thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2020 khách hàng chưa sử dụng.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng công ty chưa nhận được ý kiến phản hồi cũng như hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính. Do đó, doanh thu dịch vụ viễn thông trả trước đã ghi nhận từ năm 2020 trở về trước nhưng đến thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2020 khách hàng chưa sử dụng, tạm thời chưa được ghi nhận giảm vào doanh thu kỳ 6 tháng đầu năm 2021. Tổng công ty sẽ ghi nhận khoản giảm doanh thu này trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tổng công ty và các đối tác, hoặc theo dữ liệu cước kết nối ước tính của Tổng công ty trong trường hợp việc đối soát chưa hoàn thành. Doanh thu này được ghi nhận bằng số cước mà Tổng công ty được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế trong tháng.

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận căn cứ vào toàn bộ số tiền thực tế thu được khi khách hàng dùng thẻ trả trước do Tổng công ty phát hành để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến được mở tại các đơn vị cung cấp dịch vụ này. Phần phí dịch vụ phải trả cho các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ và bán hàng tương ứng. Tổng công ty thực hiện việc ghi nhận doanh thu và giá vốn cho dịch vụ này dựa trên hướng dẫn tại Văn bản số 30912/CT-HTr ban hành bởi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Chi phí lương

Chi phí lương được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Khi đánh giá năng suất lao động và lợi nhuận của MobiFone khi xác định Quỹ tiền lương năm 2020 theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 1.690 tỷ VND. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.629.673.598	3.685.781.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.601.732.698	123.494.601.241
Tiền đang chuyển	3.076.385.576	408.972.384
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	600.000.000.000	590.000.000.000
Cộng	<u>716.307.791.872</u>	<u>717.589.355.029</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	8.895.000.000.000	11.095.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	100.000.000.000	2.045.000.000.000
Cộng	<u>8.995.000.000.000</u>	<u>13.140.000.000.000</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty con	<u>198.946.640.000</u>	<u>198.946.640.000</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone ⁽ⁱ⁾	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu ⁽ⁱⁱ⁾	77.746.640.000	77.746.640.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.200.000.000	19.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>66.591.963</u>	<u>66.591.963</u>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	66.591.963	66.591.963
Cộng	<u>199.013.231.963</u>	<u>199.013.231.963</u>

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ Giá trị Gia tăng MobiFone hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311719703 ngày 18 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng công ty đầu tư vào Công ty này 102.000.000.000 VND, tương đương 96,23% vốn điều lệ.

(ii) Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102577251 ngày 26 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tổng công ty đầu tư vào Công ty này 77.746.640.000 VND, tương đương 69,42% vốn điều lệ.

(iii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636299 ngày 17 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tổng công ty đầu tư vào Công ty này 19.200.000.000 VND, tương đương 31,26% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ khách hàng	1.367.686.133.876	1.482.877.052.180
Phải thu từ khách hàng dùng dịch vụ trả sau	1.043.042.814.379	1.175.551.368.873
Phải thu về các dịch vụ viễn thông và CNTT khác	324.643.319.497	307.325.683.307
Phải thu từ khách hàng là các bên liên quan	1.956.499.904	12.021.760.332
<i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>		
Cộng	1.369.642.633.780	1.494.898.812.512
Dự phòng phải thu khó đòi	(647.757.313.986)	(649.545.522.497)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán	467.673.061.574	158.598.668.900
Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ Viễn thông tin học Sun Việt	43.900.897.992	-
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	78.951.549.496	417.360.054
Huawei Technologies Co., Ltd	73.876.863.047	858.249.461
Các nhà cung cấp khác	270.943.751.039	157.323.059.385
Trả trước cho người bán là bên liên quan	1.418.345.124	7.000
<i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>		
Cộng	469.091.406.698	158.598.675.900

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	399.777.465.753	440.355.602.740
Phải thu tiền bảo hiểm nộp thừa	558.020.965	575.538.202
Ký cược, ký quỹ	159.270.350	711.920.350
Phải thu ngắn hạn khác	133.160.798.544	43.645.124.173
Cộng	533.655.555.612	485.288.185.465

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan	1.332.875.433	103.912
<i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>		

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.092.580.682	2.564.551.432
Trong đó:		
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan	-	1.332.690.234
<i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>		

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	70.623.410.022	(512.587.367)	64.555.417.437	(512.587.367)
Công cụ, dụng cụ	3.876.767.400	-	1.225.176.600	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	347.000.000	-	-	-
Thành phẩm	5.508.600.000	-	-	-
Hàng hóa	59.182.175.464	(7.770.811.472)	33.759.821.424	(8.050.656.570)
Hàng gửi đi bán	2.293.945.183	(4.495.562)	1.859.765.313	(4.495.562)
Cộng	141.831.898.069	(8.287.894.401)	101.400.180.774	(8.567.739.499)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	410.671.982.938	219.637.729.886
Phí tần số, thuê kênh	19.921.933.502	86.522.574.124
Cải tạo nhà trạm, văn phòng, cửa hàng	8.803.984.030	30.345.916.103
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.473.407.993	37.537.147.392
Chi phí sửa chữa TSCĐ	516.760.962	15.603.909.201
Các chi phí khác	27.555.068.349	25.931.894.460
Cộng	469.943.137.774	415.579.171.166

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	32.289.832.463	50.245.627.404
Cải tạo nhà trạm, văn phòng, cửa hàng	49.546.557.395	70.037.648.678
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	52.654.302.422	80.477.770.196
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng, cửa hàng	6.942.765.346	29.992.500
Phí tần số, thuê kênh	-	985.265.981
Chi phí sửa chữa TSCĐ	17.239.638.778	45.479.477.091
Các chi phí khác	77.381.869.362	96.454.145.953
Cộng	236.054.965.766	343.709.927.803

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	5.775.190.229.574	46.369.991.755.102	4.561.885.532.274	263.009.010.665	56.970.076.527.615
Số đầu năm	98.602.170.156	428.081.599.880	73.565.928.491	11.329.835.407	611.579.533.934
Mua trong kỳ	87.238.709.673	131.457.616.587	43.911.067.902	-	262.607.394.162
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.958.158.254	327.968.781.329	27.244.041.476	-	359.170.981.059
Nâng cấp trong kỳ	904.148.752	5.897.390.549	422.621.830	48.816.957	7.272.978.088
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	(57.401.536.580)	(906.254.007)	58.307.790.587	-	-
Phân loại lại	-	(492.192.478.507)	-	(1.338.594.087)	(493.531.072.594)
Thanh lý, nhượng bán	(1.459.803.997)	(11.479.597.442)	-	2.930.957.555	(10.008.443.884)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.907.032.075.832	46.758.818.813.491	4.765.336.982.560	275.980.026.497	57.707.167.898.380
Giá trị hao mòn	3.583.363.752.490	36.342.504.836.936	3.245.186.014.149	211.420.058.845	43.382.474.662.420
Số đầu năm	256.721.078.291	1.753.225.437.600	276.330.210.644	13.025.897.552	2.299.302.624.087
Khấu hao trong kỳ	-	(492.192.478.507)	-	(1.338.594.087)	(493.531.072.594)
Thanh lý, nhượng bán	(280.798.616)	(11.237.377.720)	-	793.801.005	(10.724.375.331)
Tặng/Giảm khác	3.839.804.032.165	37.592.300.418.309	3.521.516.224.793	223.901.163.315	45.177.521.838.582
Số cuối kỳ	2.191.826.477.084	10.027.486.918.166	1.316.699.518.125	51.588.951.820	13.587.601.865.195
Giá trị còn lại	2.067.228.043.667	9.166.518.395.182	1.243.820.757.767	52.078.863.182	12.529.646.059.798
Số đầu năm					
Số cuối kỳ					

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	718.963.924.752	635.255.972.308	1.243.494.504.669	2.597.714.401.729
Mua trong kỳ	-	22.995.421.140	46.182.891.742	69.178.312.882
Nâng cấp trong kỳ	-	4.747.584.394	5.349.000.000	10.096.584.394
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	-	(2.371.523.317)	157.694.457	(2.213.828.860)
Tăng khác	-	-	6.818.860.844	6.818.860.844
Số cuối kỳ	718.963.924.752	660.627.454.525	1.302.002.951.712	2.681.594.330.989
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	48.287.457.343	515.899.849.037	1.021.879.095.490	1.586.066.401.870
Khấu hao trong kỳ	2.652.479.292	25.732.217.307	41.422.702.319	69.807.398.918
Tăng khác	-	-	557.261.309	557.261.309
Số cuối kỳ	50.939.936.635	541.632.066.344	1.063.859.059.118	1.656.431.062.097
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	670.676.467.409	119.356.123.271	221.615.409.179	1.011.647.999.859
Số cuối kỳ	668.023.988.117	118.995.388.181	238.143.892.594	1.025.163.268.892

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	20.692.768.038	143.011.771.181
Xây dựng cơ bản dở dang	47.891.130.228	59.268.824.049
Cộng	68.583.898.266	202.280.595.230

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	1.888.046.217.803	4.961.776.085.720
Nokia Siemens OY	168.730.004.162	742.643.234.031
Ericsson AB	77.810.023.887	340.059.407.322
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	64.074.207.644	430.243.217.602
Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện	5.180.605.874	167.697.210.795
Huawei Technologies Company Limited	-	436.689.988.080
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	137.990.992.093	126.051.322.295
Các nhà cung cấp khác	1.434.260.384.143	2.718.391.705.595
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số VII.1b)	172.461.339.120	334.654.590.254
Cộng	2.060.507.556.923	5.296.430.675.974

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	116.449.579.042	144.311.951.359
Các bên liên quan trả tiền trước (Xem Thuyết minh số VII.1b)	166.699.706	23.420.085.190
Cộng	116.616.278.748	167.732.036.549

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.884.087.794	44.792.102.231	222.558.970.150	(249.831.629.209)	3.884.087.794	17.519.443.172
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	64.341.567.914	(64.341.567.914)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.170.091.507	(3.170.091.507)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	148.410.025.083	421.879.709.977	(517.656.644.488)	-	52.633.090.572
Thuế thu nhập cá nhân	2.600.241.130	10.893.712.805	46.321.734.422	(58.026.692.021)	5.914.036.688	2.502.550.764
Thuế nhà thầu	-	37.568.370.697	99.988.358.323	(118.190.825.859)	-	19.365.903.161
Các loại thuế khác	17.113.000	23.886.040	4.851.680.946	(4.875.566.986)	17.113.000	-
Phải nộp Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱ⁾	-	616.937.341.879	1.012.698.955.454	(1.378.437.257.832)	-	251.199.039.501
Các khoản phí, lệ phí	-	4.623.095.031	1.131.753.619	(697.622.900)	-	5.057.225.750
Cộng	6.501.441.924	863.248.533.766	1.876.942.822.312	(2.395.227.898.716)	9.815.237.482	348.277.252.920

⁽ⁱ⁾ Đây là phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp Ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuê nhà trạm, cửa hàng	628.061.643.687	299.133.806.520
Chi phí phải trả các đối tác	367.856.490.577	288.960.571.261
Chi phí thuê kênh, tần số	394.417.498.390	82.187.279.666
Chi phí điện nước	53.785.462.602	33.004.210.322
Chi phí hỗ trợ sản xuất kinh doanh	16.626.636.320	12.950.694.866
Chi phí vật liệu, nhiên liệu	7.032.790.685	5.373.064.907
Chi phí cải tạo nhà trạm	1.102.835.528	527.080.595
Chi phí lãi vay	4.413.053	15.931.175
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuê ngoài	6.333.751.233	12.161.423.784
Chi phí dụng cụ	3.184.796.474	589.773.555
Chi phí thu cước	3.799.018.740	2.477.976.030
Chi phí tuyên truyền, quảng cáo	272.212.000	44.324.100
Các khoản trích trước khác	95.214.303.425	60.123.017.086
Cộng	1.577.691.852.714	797.549.153.867
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i> <i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>	78.675.945.460	32.487.668.968

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ Viễn thông công ích, phí thương quyền ⁽ⁱ⁾	20.515.463.372	38.593.200.802
Nhận ký quỹ, ký cược	11.392.373.167	10.545.278.350
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.426.123.809	5.366.231.140
Kinh phí công đoàn	4.678.722.334	2.791.825.930
Phải trả quỹ Khoa học công nghệ	54.521.286.427	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.143.874.183	26.395.486.727
Cộng	130.677.843.292	83.692.022.949
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số VII.1b)</i>	2.442.789.793	1.386.197.579

⁽ⁱ⁾ Tổng công ty dùng trích quỹ Viễn thông công ích theo Văn bản số 2771/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2020 về việc tạm dừng thu đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam kể từ năm 2020.

Tổng công ty trích Phí thương quyền theo tỷ lệ 0,5% trên doanh thu viễn thông theo quy định tại Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông và Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	78.492.768.301	83.168.566.856
Cộng	78.492.768.301	83.168.566.856
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn khác với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số VII.1b)</i>	500.000.000	1.305.311.500

16. Vay ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay thấu chi	11.589.870.667	1.551.356.649.040	(1.493.474.416.646)	69.472.103.061
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>		- 1.005.220.416.128	(935.748.313.067)	69.472.103.061
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	7.310.688.204	428.437.443.898	(435.748.132.102)	-
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt</i>	4.279.182.463	117.698.789.014	(121.977.971.477)	-
Cộng	11.589.870.667	1.551.356.649.040	(1.493.474.416.646)	69.472.103.061

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	254.063.454.039	(123.612.298.207)	130.451.155.832
Quỹ phúc lợi	66.873.640.633	(32.148.625.282)	34.725.015.351
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.952.238.686	(4.840.985)	2.947.397.701
Cộng	323.889.333.358	(155.765.764.474)	168.123.568.884

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</u>	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.123.655.617.704	1.247.083.266	1.124.902.700.970
Hình thành TSCĐ trong kỳ	(21.092.000.000)	21.092.000.000	-
Trích lập trong kỳ	66.000.000.000	-	66.000.000.000
Giảm trong kỳ	(62.164.638.493)	-	(62.164.638.493)
Khấu hao trong kỳ	-	(1.286.762.055)	(1.286.762.055)
Số cuối kỳ	1.106.398.979.211	21.052.321.211	1.127.451.300.422

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước				
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	5.906.303.132.371	-	20.906.303.132.371
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.309.546.292.781	1.309.546.292.781
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	392.863.887.834	(392.863.887.834)	-
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	(766.682.404.947)	(766.682.404.947)
Số dư cuối kỳ	15.000.000.000.000	6.299.167.020.205	150.000.000.000	21.449.167.020.205
Kỳ này				
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	7.029.535.135.202	-	22.029.535.135.202
Lợi nhuận điều chỉnh tăng theo kết luận KTNN	-	-	30.334.329.503	30.334.329.503
Trích Quỹ đầu tư phát triển theo kết luận KTNN	-	9.100.298.851	(9.100.298.851)	-
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước theo kết luận KTNN	-	-	(21.234.030.652)	(21.234.030.652)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.630.657.772.582	1.630.657.772.582
Trích Quỹ đầu tư phát triển ⁽ⁱ⁾	-	489.197.331.775	(489.197.331.775)	-
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	(991.460.440.807)	(991.460.440.807)
Số dư cuối kỳ	15.000.000.000.000	7.527.832.765.828	150.000.000.000	22.677.832.765.828

(i) Tổng công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 (“Nghị định 91”) về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

(ii) Đây là lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 đã trích lập phải nộp Ngân sách Nhà nước theo Nghị định 91. Số nộp chính thức sẽ được kết chuyển khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 của chủ sở hữu.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.471.973,26	1.895.100,59
Euro (EUR)	27.962,87	23.331,38

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	15.212.528.957.730	12.068.704.968.798
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.719.554.222.440	996.748.972.781
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.492.974.735.290	11.071.955.996.017
Các khoản giảm trừ doanh thu	(72.727.272)	-
Chiết khấu thương mại	(72.727.272)	-
Doanh thu thuần	15.212.456.230.458	12.068.704.968.798
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số VII.1b)	79.800.612.229	114.941.770.246

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.730.320.316.581	995.377.854.885
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.607.969.850.503	8.103.844.439.444
Cộng	11.338.290.167.084	9.099.222.294.329

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	313.746.994.082	468.991.311.890
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.423.626.781	37.305.000.588
Cộng	335.170.620.863	506.296.312.478

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	648.340.974	13.701.673.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.590.975.806	35.916.441.634
Chiết khấu thanh toán	726.413.109	271.193.464
Cộng	9.965.729.889	49.889.308.152

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	242.613.535.015	191.852.021.156
Chi phí vật liệu, bao bì	67.639.999.614	54.489.814.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.416.168.874	59.181.920.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.083.417.166.843	1.033.658.791.596
Các chi phí bán hàng khác	326.267.821.158	243.931.192.385
Cộng	1.804.354.691.504	1.583.113.739.633

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Quỹ Khoa học công nghệ	66.000.000.000	50.900.000.000
Chi phí nhân viên	53.053.913.454	29.159.254.493
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(17.018.364)	-
Phí thương quyền	45.537.993.486	43.171.310.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.199.366.956	18.613.938.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.897.517.660	48.958.840.577
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	122.339.042.336	16.160.948.183
Cộng	358.010.815.528	206.964.292.559

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	1.101.595.545	-
Thu cước đã xóa nợ	227.898.573	334.002.722
Thu nhập khác	1.632.372.759	3.239.528.112
Cộng	2.961.866.877	3.573.530.834

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(113.576.058)	2.396.880.385
Chi phí khác	1.758.674.524	55.431.076
Cộng	1.645.098.466	2.452.311.461

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.301.208.747	148.398.224.129
Chi phí nhân công	489.313.694.370	362.531.530.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.369.110.023.005	2.303.802.537.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.799.665.383.650	6.594.488.474.242
Chi phí khác	756.481.608.568	471.222.507.860
Cộng	10.753.871.918.340	9.880.443.273.778

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	407.664.443.145	327.386.573.195
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Cộng	407.664.443.145	327.386.573.195

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.038.322.215.727	1.636.932.865.976
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	407.664.443.145	327.386.573.195
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
<i>Cổ tức được chia</i>	-	-
Chi phí thuế TNDN	407.664.443.145	327.386.573.195

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	Công ty con
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	Công ty con gián tiếp
Công ty VNPT Global Hong Kong	Công ty con gián tiếp
Công ty MobiFone Global USA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Công ty con gián tiếp

Các giao dịch trọng yếu phát sinh giữa Tổng công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	(687.077.841)	4.459.758.247
Doanh thu bán hàng	-	7.358.996.738
Chi phí sử dụng dịch vụ	164.166.787.567	163.516.201.313
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	(2.473.358.330)	34.209.971.826
Chi phí sử dụng dịch vụ	186.608.587.026	175.984.578.442
Nhập mua thiết bị, hàng hóa	7.581.912.573	2.302.634.182

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone		
Doanh thu bán hàng	2.512.000.000	2.695.316.164
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.449.048.400	66.217.727.271
Chi phí sử dụng dịch vụ	195.090.659.278	16.209.981.598
Nhập mua thiết bị, hàng hóa	13.386.183.863	2.172.454.802
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd		
Chi phí sử dụng dịch vụ	179.435.343	196.761.527
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	109.634.399
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam		
Chi phí sử dụng dịch vụ	1.141.173.308	110.083.330.214
Nhập mua thiết bị, hàng hóa	9.102.000.000	-
Thu nhập khác	-	4.545.455
Công nợ với các bên liên quan khác		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số V.3)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	40.620.810	3.536.589.400
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	3.094.594	8.348.272.432
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	1.912.784.500	136.898.500
Cộng	1.956.499.904	12.021.760.332
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5a)		
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	1.332.875.433	103.912
Cộng	1.332.875.433	103.912
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số V.5b)		
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	-	1.332.690.234
Cộng	-	1.332.690.234
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số V.4)		
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	587.318.124	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	831.027.000	7.000
Cộng	1.418.345.124	7.000

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số V.11)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	56.943.140.728	109.718.135.686
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	63.038.357.750	97.533.432.183
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	43.454.735.680	38.536.929.378
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	9.025.104.962	88.866.093.007
Cộng	<u>172.461.339.120</u>	<u>334.654.590.254</u>
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số V.12)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	1.936.670	-
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	1.868.868	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	104.715.000	23.349.423.141
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	58.179.168	70.662.049
Cộng	<u>166.699.706</u>	<u>23.420.085.190</u>
Chi phí phải trả (Thuyết minh số V.14)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	35.527.952.345	10.883.511.947
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	32.284.316.972	17.366.062.943
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	10.081.666.397	3.257.725.500
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	782.009.746	980.368.578
Cộng	<u>78.675.945.460</u>	<u>32.487.668.968</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.15a)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	2.274.134.793	1.286.197.579
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	118.655.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	50.000.000	-
Cộng	<u>2.442.789.793</u>	<u>1.386.197.579</u>
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số V.15b)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	-	760.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	500.000.000	525.311.500
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>1.305.311.500</u>

2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng công ty có các khoản cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm thuê đất và thuê địa điểm đặt các trạm phát sóng và các hợp đồng thuê khác.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết mua tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng công ty cũng có cam kết bằng hợp đồng về việc mua tài sản, thiết bị để phục vụ cho việc xây dựng các trạm thu phát sóng và mua sắm các thiết bị viễn thông.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Vân

Phan Tuấn Anh

Tô Mạnh Cường

